

Số: 454/KL-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 6 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam

Thực hiện Quyết định số 146/QĐ-SNNPTNT ngày 25/3/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam, từ ngày 04/4/2022 đến ngày 18/5/2022, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 21/BC-ĐTT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam là tiền thân của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Ninh Phước, được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Lâm trường Ninh Phước theo Quyết định số 650/CT-UBND ngày 08/3/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2016, Ban quản lý RPHVB Ninh Phước được đổi tên thành Ban quản lý RPHVB Thuận Nam theo Quyết định số 28/QĐ-UBND và 29/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam là đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp toàn diện về chuyên môn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngoài ra, đơn vị có Ban quản lý Dự án bảo vệ và phát triển rừng - rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam được thành lập tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND, ngày 27/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhiệm vụ chính là quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và phát triển rừng phòng hộ; thực hiện các chương trình, dự án được duyệt hàng năm và các nhiệm vụ khác theo quy định của Ngành trên tổng diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp được giao quản lý là 15.908,40 ha; bao gồm 20 tiểu khu: 200a, 200b, 200c, 200d, 201a, 201b, 201c, 201d, 204, 205a, 205b, 206a, 206b, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213 thuộc địa bàn 5 xã Phước

Diêm, Phước Minh, Phước Nam, Phước Dinh và Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Về cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, viên chức của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam hiện nay là 23 người/23 chỉ tiêu biên chế được giao; gồm: 01 Phó Trưởng ban phụ trách, 01 Phó Trưởng ban; 03 phòng chuyên môn gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp: 03 người, phòng Kỹ thuật: 05 người và Phòng Quản lý, bảo vệ rừng: 01 người; 02 Trạm QLBR: Trạm Bầu Ngủ: 08 người và Trạm QLBR Thơm Tàu: 04 người.

II. Về chế độ tài chính và kinh phí thực hiện

Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam là đơn vị sự nghiệp, hoạt động theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ; được UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 06/12/2019. Trong ba năm 2019-2021, kinh phí phục vụ cho hoạt động của BQLR Thuận Nam, gồm:

- Nguồn ngân sách cấp cho hoạt động sự nghiệp lâm nghiệp (kinh phí tự chủ và không tự chủ) với tổng số tiền là 16.319.470.455 đồng. Trong đó: năm 2019: 5.311.375.210 đồng, năm 2020: 5.497.077.442 đồng và năm 2021: 5.511.017.455 đồng.

- Nguồn kinh phí đầu tư Chương trình mục tiêu và phát triển lâm nghiệp bền vững là 5.921.100.000 đồng. Trong đó: năm 2019: 70.000.000 đồng, năm 2020: 5.017.390.000 đồng và năm 2021: 903.640.000 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng với tư cách là nhà thầu.

Về quản lý tài sản cố định: Đơn vị thực hiện việc quản lý tài sản theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 và Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng

Trong ba năm 2019-2021, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng, kế hoạch chống phá rừng được Ủy ban nhân dân phê duyệt và tổ chức thực hiện. Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và mô hình giao khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển sinh kế bền vững; lập hợp đồng giao khoán cho 06 cộng đồng thôn thuộc 04 xã Phước Diêm, Phước Minh, Phước Nam, Phước Dinh; giao khoán cho các tập thể gồm Ban chỉ huy quân sự huyện Thuận Nam, Công an huyện Thuận Nam, Phòng tham mưu, Phòng PC03, Phòng cảnh sát cơ động - Công an

ting. Trong đó, diện tích giao khoán chuyển tiếp năm 2018 sang 2019 là: 3.374,35 ha, giao mới năm 2019 là 660,0 ha; diện tích giao khoán chuyển tiếp năm 2019 sang 2020 là: 4.642,35 ha; diện tích giao khoán chuyển tiếp năm 2020 sang 2021 là 2.147 ha và giao mới năm 2021 là 4.061,35 ha.

Hàng năm, đơn vị thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, các cơ quan nhận khoán bảo vệ rừng, các đơn vị lực lượng vũ trang tổ chức tuần tra, truy quét tại các khu vực trọng điểm, vùng giáp ranh, tổ chức lực lượng canh trực theo cấp dự báo cháy rừng; Vận động trên 434 hộ dân có chuồng trại chăn nuôi gia súc gần, trong rừng và người dân sống gần rừng tham gia thực hiện ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR.

- Công tác Phòng cháy chữa cháy rừng: Trong ba năm 2019-2021, BQLR Thuận Nam đã chủ động phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Nam, UBND các xã trên lâm phần quản lý tổ chức 27 điểm/04 xã với 460 lượt người tham gia; sửa chữa 02 bảng tuyên truyền; duy trì 03 điểm trực và 01 Ban chỉ huy. Trang bị công cụ hỗ trợ, quần áo, giày, áo mưa bảo hộ lao động cho lực lượng QLBR; xây dựng và duy trì 01 chốt trực PCCCR và truy quét chống phá rừng (chốt TK204).

- Công tác tuần tra truy quét, chống phá rừng: Trong ba năm 2019-2021, đơn vị đã thực hiện 237 đợt/2.418 lượt người tham gia tuần tra, kiểm tra, truy quét chống phá rừng tại các vùng trọng điểm, kịp thời phát hiện, lập biên bản 10 trường hợp khai thác, vận chuyển cây cảnh có nguồn gốc từ rừng tự nhiên và chuyển tang vật, phương tiện vi phạm cho lực lượng chức năng xem xét thụ lý, xử lý theo thẩm quyền, bao gồm: Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR: 01 chiếc xe Hoa lâm, 08 gốc cây Bằng lăng, 06 gốc cây Huyết giác, 02 gốc cây Thiên tuế; Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Nam: 45 chiếc xe (41 xe mô tô và 04 xe ô tô), 111 gốc Bằng lăng, 05 gốc cây Mai rừng, 76 gốc cây Huyết giác, 55 cành Huyết giác, 01 gốc cây cóc khô, 02 gốc cây Nhông, 01 gốc cây Đinh tử hương, 02 gốc cây sam, 01 gốc cây vảy ốc, 11 gốc cây Hải Châu và 70 kg than hầm; UBND cấp xã: 75 cái máy nổ phát điện khai thác đá chẻ trái phép. Đồng thời, BQLR Thuận Nam đã phát hiện 29 trường hợp có hành vi coi nói lấn chiếm đất rừng làm chòi, chuồng trại chăn nuôi; đơn vị đã lập biên bản vụ việc, phối hợp với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Nam tuyên truyền, vận động, ra thông báo đến từng hộ dân và lập biên bản 06 trường hợp có hành vi vi phạm chặt phá, phát dọn cây rừng trái phép.

Ngoài ra, trên cơ sở quy chế phối hợp được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam và Lãnh đạo UBND huyện Tuy Phong ký kết tại Quy chế số 01/QCPH; Quy chế phối hợp số 49/QCPH-LSĐB, HTG, VBTPN ngày 02/04/2016 và Quy chế phối hợp số 01/QCPH-LSĐB, HTG, VBHP ngày 15/01/2021 giữa 03 đơn vị chủ rừng: BQLRPH Lòng Sông Đá Bạc - BQLPHĐN Hồ Tân Giang - BQL rừng PHVB Thuận Nam về phối hợp công tác quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh, đơn vị thường xuyên chủ động trao đổi thông tin về tình hình, đối tượng vi phạm để thuận lợi cho việc xác minh và xử lý thông tin. Trong 03 năm 2019-2021, đơn vị đã tổ chức phối hợp 11 đợt/99 lượt người tham gia tuần tra, kiểm tra, truy quét rừng khu vực giáp ranh.

Tuy nhiên trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng trong ba năm 2019-2021 còn tồn tại, hạn chế sau:

- Tình trạng phá rừng vẫn còn xảy ra, có 04 vụ phá rừng với diện tích 4,408 ha trong năm 2020.

- Tình trạng cháy rừng xảy ra 01 vụ; điểm cháy rừng xảy ra tại khoảnh 5, tiểu khu 205b xã Cà Ná với diện tích 0,85 ha trong năm 2021 cháy lướt trên mặt đất chủ yếu cỏ khô không ảnh hưởng tài nguyên rừng.

- Vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng xảy ra 04 vụ có vi phạm chặt phá, phát dọn cây rừng trái phép, đơn vị đã chuyển hồ sơ Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Nam và cơ quan chức năng của huyện Thuận Nam xử lý theo quy định.

2. Công tác giao rừng khoán quản

- Năm 2019: Đơn vị tổ chức giao khoán bảo vệ rừng (chuyển tiếp) là 3.375 ha; Trong đó: giao khoán cho 04 nhóm cộng đồng là 2.147 ha (02 nhóm cộng đồng thôn Phước Lập xã Phước Nam: 983 ha/32 hộ; 01 nhóm cộng đồng xã Phước Minh: 697 ha/23 hộ và 01 nhóm cộng đồng xã Phước Diêm: 467 ha/11 hộ) và giao khoán cho lực lượng vũ trang 1.228 ha (Công an huyện Thuận Nam: 763 ha và Công an tỉnh Ninh Thuận: 465 ha).

- Năm 2020: Đơn vị giao khoán bảo vệ rừng chuyển tiếp là 4.642,35 ha. Trong đó: Giao khoán cho cộng đồng là 2.147 ha (02 nhóm cộng đồng thôn Phước Lập xã Phước Nam: 983 ha; 01 nhóm cộng đồng xã Phước Minh: 697 ha và 01 nhóm cộng đồng xã Phước Diêm: 467 ha) và Giao khoán cho lực lượng vũ trang: 2.495,35 ha (Công an huyện Thuận Nam: 1.371 ha; Công an Tỉnh Ninh Thuận: 464,35 ha và Phòng PC03-công an tỉnh: 660ha).

- Năm 2021: Đơn vị đã tổ chức thực hiện giao khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích là 6.208,35 ha. Trong đó giao chuyển tiếp 2.147,00 ha và giao mới là 4.061,35 ha; Đơn vị giao khoán cho các nhóm cộng đồng (Phước Lập 1 và Phước Lập 2 - Phước Nam, Lạc Tiến - Phước Minh, Thương Diêm - Phước Diêm, Sơn Hải - Phước Dinh) nhận khoán bảo vệ rừng là 2.713,0 ha và giao khoán cho lực lượng vũ trang là 3.495,35 ha.

Qua kiểm tra hồ sơ tại đơn vị cho thấy, đơn vị đã hợp đồng giao khoán rừng cho các đơn vị lực lượng vũ trang, các cộng đồng trong vùng dự án, gần rừng là đúng chủ trương, chính sách theo quy định; thực hiện đầy đủ các thủ tục hợp đồng giao khoán; có biên bản bàn giao thực địa, thực hiện cắm mốc theo thiết kế, hàng quý BQLR Thuận Nam tổ chức nghiệm thu và thanh toán tiền công cho các đơn vị nhận khoán theo đúng định mức quy định. Công tác thiết kế giao rừng thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật, có kết quả kiểm tra nghiệm thu của Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

3. Công tác phát triển rừng

Căn cứ kế hoạch giao, hồ sơ thiết kế, nghiệm thu hoàn công diện tích trồng

rừng, trong ba năm 2019 - 2021, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã thực hiện như sau:

3.1. Công tác trồng và chăm sóc rừng trồng

- Năm 2019: Đơn vị là nhà thầu thực hiện các dự án SP-RCC, dự án JICA2 và Chương trình trồng rừng thay thế: Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2 là 109,83 ha; Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3 là 197,24 ha; Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4 là 261,8 ha.

- Năm 2020: Đơn vị đã tổ chức thực hiện trồng rừng với diện tích 85 ha (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 55 ha; mật độ trồng 625 cây/ha và chương trình trồng rừng thay thế 30 ha; mật độ trồng 1.667 cây/ha) và tổ chức bảo vệ chăm sóc rừng trồng năm thứ 3 là 109,83 ha được chuyển từ dự án SP-RCC sang chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; chăm sóc rừng trồng năm thứ 4 là 197,24 ha (gồm Dự án JICA2: 129,94 ha và chuyển từ dự án SP-RCC sang chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 67,3 ha); loài cây Thanh Thất.

- Năm 2021: Đơn vị đã tổ chức thực hiện trồng rừng mới 38,564 ha (trong đó: Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững là 10,0 ha; Chương trình trồng rừng thay thế là 15,0 ha; Trồng rừng khắc phục hiện trạng 1,564 ha; Chương trình hạnh phúc xanh 12,0 ha) và thực hiện mô hình thực nghiệm nâng cấp rừng trồng phòng hộ 21 ha thuộc Chương trình Hạnh phúc xanh và thực hiện chăm sóc rừng trồng 194,83 ha (trong đó: Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững chăm sóc năm thứ 2 là 55 ha và chăm sóc rừng trồng năm thứ 4 là 109,83 ha; Chương trình trồng rừng thay thế chăm sóc năm thứ 2 là 30 ha).

Qua kiểm tra cho thấy, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã tiến hành công tác chuẩn bị và triển khai trồng và chăm sóc rừng trồng theo kế hoạch, đúng thiết kế dự toán được phê duyệt; theo dõi chỉ đạo và nghiệm thu cây con xuất vườn, nghiệm thu rừng trồng đúng quy định.

3.2. Công tác trồng cây phân tán

Thực hiện Kế hoạch được giao, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã cấp phát cây giống hỗ trợ trồng cây phân tán với số lượng cây giống đã cấp phát là 210.010 cây, gồm: 71.367 cây Phi lao và 100.000 cây Thanh thất, 38.643 cây Xà cừ.

- Kế hoạch giao năm 2020:

Cây Phi lao 6 tháng tuổi: 71.367 cây và cây Thanh thất 6 tháng tuổi: 100.000 cây, đạt 100% KH, nguồn cây giống do đơn vị tự gieo tạo, có biên bản nghiệm thu cây con xuất vườn của Chi cục Kiểm lâm, cung cấp cho các đơn vị trong huyện.

- Kế hoạch giao năm 2021 vốn 2020 chuyển sang:

Cây Xà cừ 6 tháng tuổi: 38.643 cây, đạt 100% KH, nguồn cây giống do đơn vị tự gieo tạo, có biên bản nghiệm thu cây con xuất vườn của Chi cục Kiểm lâm, cung cấp cho các đơn vị trong huyện.

Qua kiểm tra hồ sơ, cho thấy đơn vị đã chủ động triển khai, phối hợp với UBND các xã, huyện Đoàn và các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận vận động nhân dân trồng cây phân tán đạt chỉ tiêu kế hoạch.

3.3. Công tác khoanh nuôi tái sinh rừng

- Về khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung: Trong năm 2019, đơn vị đã tổ chức bảo vệ rừng khoanh nuôi 1.268,17 ha (Dự án JICA2: 660,0 ha, dự án SP-RCC: 608,17 ha) tại 02 xã Phước Dinh và Phước Diêm. Toàn bộ diện tích khoanh nuôi tái sinh tự nhiên đều được bảo vệ tốt, không để xảy ra tình trạng phá rừng xảy ra; Riêng diện tích 660 ha thuộc Dự án JICA2 đã kết thúc chu kỳ đầu tư ngày 31/8/2019 nên đơn vị đã phối hợp BQL Dự án JICA2 tinh bản giao và chuyển sang khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững kể từ ngày 01/09/2019.

- Về khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung: trong ba năm 2019-2021, đơn vị đã tổ chức trồng dặm chăm sóc năm thứ 2, 3, 4 và bảo vệ tốt toàn bộ diện tích 400 ha rừng khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung, thuộc chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung mới là 300 ha.

Qua kiểm tra cho thấy, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã tiến hành công tác chuẩn bị và triển khai khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không có trồng bổ sung và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết được phê duyệt; việc theo dõi chỉ đạo và nghiệm thu cây con xuất vườn, nghiệm thu công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đúng quy định. Việc thực hiện giải pháp kỹ thuật lâm sinh cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trên diện tích đất không có rừng, đất nương rẫy bỏ hóa lâu ngày, nhưng có khả năng phục hồi tự nhiên thành rừng từ tái sinh tự nhiên nâng cao tỷ lệ phủ rừng của tại đơn vị là phù hợp, đúng quy định.

Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra thực địa ngẫu nhiên 04 công trình thuộc chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, chương trình trồng rừng thay thế trong giai đoạn 2019-2021, kết quả cụ thể như sau:

- Kiểm tra chăm sóc rừng trồng năm 2018 (năm thứ 4) thuộc Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững đối với khu vực rừng trồng diện tích 26,13 ha Tại tiểu khu 200c, tiểu khu 200d, tiểu khu 206a xã Phước Minh; tiểu khu 201b xã Phước Dinh; tiểu khu 210 xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam. Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị trồng loài cây Thanh Thất, vị trí đúng theo thiết kế. Qua lấy mẫu ngẫu nhiên lập 15 ô tiêu chuẩn đo đếm cho thấy, mật độ cây sống bình quân là 1.512cây/ha, so với mật độ thiết kế 1.667 cây/ha, đạt tỷ lệ 90,7%, chiều cao vút ngọn bình quân là 1,42 m, đường kính gốc bình quân là 7,47 cm, cây sinh trưởng phát triển tốt.

- Kiểm tra trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2021 (năm thứ nhất) thuộc

Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững đối với diện tích 10ha, tại khoảnh 7, tiểu khu 213, xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam. Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị trồng loài cây Thanh Thất, vị trí đúng theo thiết kế. Qua lấy mẫu ngẫu nhiên lập 20 ô tiêu chuẩn đo đếm cho thấy, mật độ cây sống bình quân là 785 cây/ha, so với mật độ thiết kế 833 cây/ha, đạt tỷ lệ 94,2%, chiều cao vút ngọn bình quân là 0,56 m, đường kính gốc bình quân là 0,65 cm, cây sinh trưởng phát triển tốt.

- Kiểm tra chăm sóc rừng trồng rừng trồng năm 2020 (năm thứ 2) thuộc Chương trình trồng rừng thay thế đối với khu vực diện tích là 30 ha, tại khoảnh 8, 10 tiểu khu 201b và khoảnh 5, 6 tiểu khu 207, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam. Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị trồng cây Thanh thất, vị trí đúng theo thiết kế. Qua lấy mẫu ngẫu nhiên lập 15 ô tiêu chuẩn đo đếm cho thấy, mật độ cây sống bình quân là 1.519 cây/ha, so với mật độ thiết kế 1.667 cây/ha, đạt tỷ lệ 91,14%, chiều cao vút ngọn bình quân là 0,86 m, đường kính gốc bình quân là 2,05 cm, cây sinh trưởng phát triển tốt.

- Kiểm tra trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2021 (năm thứ nhất) thuộc Chương trình trồng rừng thay thế đối với khu vực diện tích là 15 ha tại khoảnh 5, 6 tiểu khu 207, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam. Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị trồng cây Thanh Thất, vị trí đúng theo thiết kế. Qua lấy mẫu ngẫu nhiên lập 20 ô tiêu chuẩn đo đếm cho thấy, mật độ cây sống bình quân là 1.505 cây/ha, so với mật độ thiết kế 1.667 cây/ha, đạt tỷ lệ 90,3%, chiều cao vút ngọn bình quân là 0,52 m, đường kính gốc bình quân là 0,77 cm, cây sinh trưởng phát triển tốt.

3.4. Các công trình đã kết thúc giai đoạn đầu tư

Đến thời điểm kiểm tra, các công trình trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, xây dựng đường ranh cản lửa mà Ban là nhà thầu của Dự án JICA2 và dự án SP-RCC đã kết thúc giai đoạn đầu tư, gồm 06 Hợp đồng thuộc Dự án JICA2 và 06 Hợp đồng thuộc dự án SP-RCC, cụ thể:

- Đối với dự án JICA2

Thực hiện 04 hợp đồng trồng và chăm sóc rừng trồng có tổng diện tích thực hiện là 405,04 ha, giá trị thực hiện là 13.452.104.384 đồng; 01 gói thầu Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có diện tích là 660,0 ha, giá trị thực hiện là 3.853.739.999 đồng; 01 gói thầu xây dựng đường ranh cản lửa, giá trị thực hiện là 87.000.000 đồng. Ngoài ra, năm 2020 Dự án JICA2 trung ương hỗ trợ chi phí gieo ươm cây giống bị chết do thiên tai năm 2015, với số tiền là 682.718.188 đồng.

- Đối với dự án SP-RCC

Thực hiện 05 hợp đồng trồng và chăm sóc rừng trồng có tổng diện tích thực hiện là 222,22 ha. Tổng giá trị thực hiện là 10.456.713.501 đồng; 01 gói thầu Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có diện tích là 608,17 ha, giá trị thực hiện là 933.964.975 đồng.

Ngoài ra, đơn vị còn thực hiện cung cấp cây giống năm 2019 số tiền 38.393.374 đồng và xác định tiền lãi ngân hàng của các dự án đã kết thúc chu kỳ

đầu tư để thực hiện nộp thuế và phân phối kết quả tài chính trong năm 2021 với số tiền là 25.358.457 đồng.

4. Các hoạt động khác

Trong ba năm 2019-2021, đơn vị duy trì giao khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển sinh kế bền vững. Tuy nhiên, năm 2021 do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh covid-19 và đơn giá giao khoán bảo vệ rừng đối với các nhóm cộng đồng trong năm 2021 so với năm 2020 thấp hơn (từ 400.000 đồng/ha/năm giảm còn 300.000 đồng/ha/năm, theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 thay thế Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, các nhóm cộng đồng không còn trong khu vực III, II). Ngoài ra, đơn vị đã triển khai và thực hiện công trình cắm mốc ranh giới diện tích rừng phòng hộ theo đúng chỉ tiêu kế hoạch giao, với số lượng 113 mốc (năm 2019); tổ chức triển khai, thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 tại BQLRPHVB Thuận Nam theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về quản lý rừng bền vững trong năm 2020 và thực hiện xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam trong năm 2021.

II. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

1. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

Trong 03 năm 2019-2021, Ban quản lý rừng ven biển Thuận Nam quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí gồm: Kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động sự nghiệp lâm nghiệp, kinh phí đầu tư Chương trình mục tiêu và phát triển lâm nghiệp bền vững và các nguồn kinh phí khác.

(Kèm theo Phụ lục I: Bảng tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí ngân sách cấp và Phụ lục II: Bảng tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các dự án)

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán tại đơn vị nhận thấy, các nguồn kinh phí ngân sách cấp đều có quyết định của cấp có thẩm quyền và được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách, đơn vị thực hiện chi đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng; xây dựng dự toán chi, chấp hành việc mở sổ sách, biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Đối với các hợp đồng với tư cách là nhà thầu để thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh đã kết thúc chu kỳ đầu tư, Ban đã thực hiện các dự án có hiệu quả; đối với các khoản kinh phí tiết kiệm được, đơn vị thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và trích cải cách tiền lương theo quy định, đồng thời trích lập các quỹ theo quy định. Đơn vị đã thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, qua kiểm tra đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Đơn vị thực hiện công khai tài chính chưa đúng theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Đối với nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, tại Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình chăm sóc rừng trồng phòng hộ tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam chuyển từ Dự án SP-RCC tỉnh Ninh Thuận sang Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (các gói thầu thực hiện năm 2021), đối với 03 gói thầu: Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 (diện tích 52,7ha, 26,13ha và 31ha) có Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu là: Tự thực hiện (Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam tự thực hiện)

Tuy nhiên, Ban đã giao Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4/2021 cho các viên chức của đơn vị, gồm: Nguyễn Minh Quốc tại Hợp đồng giao khoán công việc số 28/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 70.469.386 đồng; Lê Thái Châu tại Hợp đồng giao khoán công việc số 30/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 34.940.573 đồng; Nguyễn Sỹ Khuynh tại Hợp đồng giao khoán công việc số 29/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 72.822.100 đồng và Bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 cho Ban chỉ huy quân sự huyện Thuận Nam tại các Hợp đồng giao khoán công việc lần lượt là: 25/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 69.326.639 đồng; 34/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 34.373.910 đồng; 26/HĐGK-BQLDA ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng 40.780.376 đồng.

Việc Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện Thuận Nam bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 là thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với 03 gói thầu Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 không đúng với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh.

- Đối với Chương trình trồng rừng thay thế kế hoạch năm 2021: Qua kiểm tra hồ sơ Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm 2, kế hoạch năm 2021 của công trình công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế diện tích 30ha cho thấy: Tại phụ lục kèm theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam (các gói thầu giai đoạn 2021 - 2024), đối với gói thầu Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm 2021 có Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu là: Tự thực hiện (Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam tự thực hiện).

Tuy nhiên, Ban đã giao Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2 cho tổ thi công trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế năm 2021 của Ban, do ông Nguyễn Minh Quốc làm đại diện tại Hợp đồng giao khoán công việc số 12/HĐGK-

BQLRPHVBTN ngày 24/7/2021, giá trị hợp đồng 324.989.040 đồng và Bảo vệ rừng trồng năm thứ 2 cho hộ ông Đạt Tấn Nuôi, cư ngụ tại thôn Phước Lập, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam là người ngoài đơn vị tại Hợp đồng giao khoán công việc số 13/HĐGK-BQLRPHVBTN ngày 25/7/2021, giá trị hợp đồng 41.653.230 đồng.

Việc Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam giao cho hộ ông Đạt Tấn Nuôi thực hiện việc bảo vệ rừng trồng năm thứ 2 là thực hiện việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm 2021 không đúng với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh.

2. Công tác quản lý tài sản công

Hàng năm đơn vị có kiểm kê tài sản, có mở sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ theo quy định. Trong năm 2019 và năm 2020, BQLR Thuận Nam xây dựng chung Quy chế chi tiêu nội bộ và mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công mà chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Năm 2021, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức theo quy định của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

C. KẾT LUẬN

I. Ưu điểm

- Mặc dù công tác bảo vệ rừng hiện nay hết sức phức tạp và nguy hiểm, nạn phá rừng, khai phá đất lâm nghiệp mở rộng diện tích canh tác, sản xuất nông nghiệp còn tự phát, gây áp lực đến thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam nhưng trong ba năm qua, đơn vị đã tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương làm tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu và phát triển lâm nghiệp bền vững và mô hình giao khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư, các tổ chức lực lượng vũ trang quản lý bảo vệ, đồng thời chủ động lập kế hoạch phối hợp các lực lượng chức năng huyện Thuận Nam, các hộ nhận khoán tổ chức tuần tra, truy quét và tuyên truyền vận động nhân dân trong việc bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng được Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam chỉ đạo, kiểm tra thực hiện sâu sát, nên đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn nhiều vụ vi phạm đã hạn chế tình trạng khai thác cây cảnh trái phép và thiệt hại do cháy rừng gây ra, nhất là tình hình chặt cây hầm than, góp phần ổn định trật tự trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn. Thông qua việc giao khoán bảo vệ rừng, hộ dân đã tích lũy được tiền nhận khoán bảo vệ rừng để mua con giống, cây giống cho gia đình nhằm phát triển kinh tế, có thêm thu nhập và cải thiện kinh tế gia đình.

- Công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc rừng trồng và một số hạng mục công trình lâm sinh khác... đơn vị thực hiện đúng theo kế hoạch giao; nhất là trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và trồng cây phân tán trong lâm phần và trên địa bàn của huyện, đạt được kết quả đáng ghi nhận, góp phần bảo vệ tốt vốn rừng hiện còn, làm tăng độ che phủ của rừng, bảo vệ các công trình, ngăn chặn lũ lụt, ổn định sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong khu vực. Ngoài ra, đơn vị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: trồng rừng thay thế, xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 và xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại BQLRPHVB Thuận Nam.

- Các nguồn kinh phí ngân sách cấp đều có quyết định của cấp có thẩm quyền và được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách, đơn vị thực hiện chi đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng; chấp hành việc mở sổ sách, biểu mẫu báo cáo tài chính và xây dựng dự toán chi theo quy định. Đối với các hợp đồng với tư cách là nhà thầu để thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh đã kết thúc chu kỳ đầu tư, Ban đã thực hiện các dự án có hiệu quả; đối với các khoản kinh phí tiết kiệm được, ban thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trích cải cách tiền lương và trích lập các quỹ theo quy định.

II. Về khuyết điểm, tồn tại

1. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ

Trong công tác tổ chức quản lý bảo vệ rừng còn một số hạn chế, đó là: Tình trạng cháy rừng xảy ra 01 vụ với diện tích 0,85 ha. Tình trạng phá rừng vẫn còn xảy ra, có 04 vụ phá rừng với diện tích 4,408 ha. Vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng xảy ra 16 vụ.

2. Đối với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

- Đơn vị thực hiện việc công khai tài chính chưa đúng biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Đối với nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (vốn đầu tư): Đơn vị giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện Thuận Nam thực hiện việc bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 là thực hiện việc lựa chọn nhà thầu đối với 03 gói thầu Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 4/2021 không đúng với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình chăm sóc rừng trồng phòng hộ tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam chuyển từ Dự án SP-RCC tỉnh Ninh Thuận sang Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (các gói thầu thực hiện năm 2021).

- Đối với Chương trình trồng rừng thay thế kế hoạch năm 2021: Đơn vị giao cho hộ ông Đạt Tấn Nuôi thực hiện việc bảo vệ rừng trồng năm thứ 2 là thực hiện

việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm 2021 không đúng với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế của Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam (các gói thầu giai đoạn 2021-2024).

III. Nguyên nhân và trách nhiệm

1. Nguyên nhân khách quan

- Huyện Thuận Nam luôn gặp khó khăn do nắng hạn, lượng mưa trung bình hàng năm ít, đã tác động bất lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; mặt khác, đời sống nhân dân trong vùng còn nhiều khó khăn tạo áp lực cho công tác giữ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, chiếm đất lâm nghiệp để canh tác nông nghiệp của người dân. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác chuyên môn còn thiếu cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

- Phần lớn lâm phần đơn vị quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp đều tiếp giáp với khu dân cư, phạm vi phân bố rộng, địa hình bị chia cắt, đời sống của một bộ phận người dân sống ở vùng giáp ranh với lâm phần thuộc BQLR Thuận Nam còn nhiều khó khăn, nhận thức chưa cao nên còn lén lút vào rừng chặt cây hầm than, vận chuyển lâm sản trái phép; Mặt khác, do nhu cầu thị hiếu về cây cảnh của người dân dẫn đến tình trạng đào bới gốc cây cảnh như gốc cây Bằng lăng, gốc cành nhánh cây huyết giác và một số loài cây khác còn xảy ra trên địa bàn quản lý.

2. Nguyên nhân chủ quan

Các phòng tham mưu như: Phòng Kỹ thuật, Phòng HC-TH, Phòng QL-BVR và các cá nhân được giao phụ trách các phòng chuyên môn, tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo nhưng chưa làm tốt công việc được giao, chưa chú ý nghiên cứu đầy đủ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan để áp dụng thực hiện theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm

Trách nhiệm của những tồn tại, thiếu sót nói trên thuộc về tập thể lãnh đạo đơn vị và cá nhân Trưởng ban, Phó Trưởng ban và của bộ phận tham mưu như Phòng Kỹ thuật, Phòng HC-TH, Phòng QL-BVR và cá nhân được giao phụ trách.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam

- Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ phá rừng, cháy rừng xảy ra trên lâm phần của đơn vị quản lý, nhất là tình trạng đào bới gốc cây cảnh như gốc cây Bằng lăng, gốc cành nhánh cây huyết giác và một số loài cây khác.

- Tiếp tục trồng dặm, chăm sóc, bảo vệ, phòng cháy rừng trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt để đảm bảo rừng trồng sau khi kết thúc chu kỳ đầu tư đạt tiêu chí thành rừng theo quy định.

- Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc để xảy ra các tồn tại, thiếu sót trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, từ đó đề ra kế hoạch, giải pháp khắc phục; báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở sau 30 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra.

II. Đối với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giao Thanh tra Sở phối hợp phòng Tổ chức hành chính Sở theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận của Giám đốc Sở để kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế đã được kết luận.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Trần Ngọc Hiếu;
- Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam;
- Phòng TCHC, KHTC;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, HSTT, TTr.



Đặng Kim Cương



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP

(Kèm theo Kết luận số 47/KL-SNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kết quả thanh tra			Ghi chú
		2019	2020	2021	
A	Nguồn KP sự nghiệp (tự chủ và không tự chủ)				
I	Năm trước chuyển sang	43.596.726	35.356.481	14.401.583	
1	Kinh phí tự chủ	-	-	11.115.102	
2	Kinh phí không tự chủ	43.596.726	35.356.481	3.286.481	
	- Cải cách tiền lương	43.596.726	3.286.481	3.286.481	
	- Mua sắm tập trung	-	32.070.000	-	
II	Cấp trong năm	5.311.375.210	5.497.077.442	5.511.017.455	
1	KP tự chủ	1.926.347.850	2.107.647.442	2.185.047.455	
	- KP thường xuyên	1.894.147.850	2.107.647.442	2.152.847.455	
	- Tiết kiệm 10% CCTL	32.200.000	-	32.200.000	
2	KP không tự chủ	3.385.027.360	3.389.430.000	3.325.970.000	
	- Thực hiện PCCCR-TQCPR	271.900.000	358.000.000	486.000.000	
	- Thực hiện ND số 116	378.632.360	-	-	
	- Bổ sung chi tăng lương	12.555.000	-	-	
	- Mua sắm tập trung	32.070.000	-	-	
	- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	2.663.270.000	2.567.430.000	2.760.970.000	
	- Mua phần mềm kế toán	-	14.000.000	-	
	- Nạo vét đào ao khoang giếng	-	450.000.000	-	
	- Sửa xe ôtô	-	-	22.500.000	
	- Tiết kiệm 10% CCTL	26.600.000	-	56.500.000	
III	Sử dụng trong năm	5.265.174.270	5.411.022.390	5.432.916.132	
1	KP tự chủ	1.926.347.850	2.096.532.340	2.163.962.557	



	- KP thường xuyên	1.894.147.850	2.096.532.340	2.063.682.109
	- Tiết kiệm 10% CCTL	32.200.000	-	0
	- KP tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên và điều chỉnh giảm dự toán	-	-	100.280.448
2	KP không tự chủ	3.338.826.420	3.314.490.050	3.268.953.575
	- Thực hiện PCCCR-TQCPR	271.900.000	353.000.000	476.267.300
	- Thực hiện ND số 116	344.113.700	-	-
	- Bổ sung chi tăng lương	12.555.000	-	-
	- Mua sắm tập trung	-	23.672.000	-
	- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	2.643.347.475	2.564.965.200	2.760.453.575
	- Mua phần mềm kế toán	-	14.000.000	-
	- Nạo vét đào ao khoang giếng	-	358.852.850	-
	- Tiết kiệm 10% CCTL	66.910.245	-	-
	- Sửa xe ô tô	-	-	21.781.000
	- Kinh phí tiết kiệm thêm 10%	-	-	10.451.700
IV	Chưa sử dụng đến cuối năm	89.797.666	121.411.533	92.502.906
1	KP tự chủ	0	11.115.102	32.200.000
2	KP không tự chủ	89.797.666	110.296.431	60.302.906
	- Chuyển năm sau	35.356.481	3.286.481	59.786.481
	- Trả lại NS hoặc hủy tại KB	54.441.185	107.009.950	516.425
B	Nguồn KP chương trình mục tiêu và phát triển lâm nghiệp bền vững			
1	Năm trước chuyển sang	-	-	206.739.840
2	Cấp trong năm	70.000.000	5.017.390.000	903.640.000
	- Trồng và chăm sóc rừng trồng năm 1, 2, 3, 4		2.070.280.000	903.640.000
	- Hỗ trợ gieo ươm trồng cây phân tán		925.380.000	
	- Thanh toán hạng mục chăm sóc rừng trồng SP-RCC		1.071.730.000	
	- Sửa chữa Trạm BVR	70.000.000	950.000.000	

3	Sử dụng trong năm	64.979.868	4.810.650.160	1.107.165.907	
	- Trồng và chăm sóc rừng trồng năm 1, 2, 3, 4		2.013.984.011	900.426.067	
	- Hỗ trợ gieo ươm trồng cây phân tán		916.726.363	206.739.840	
	- Thanh toán hạng mục chăm sóc rừng trồng SP-RCC		1.016.522.839		
	- Sửa chữa Trạm BVR	64.979.868	863.416.947		
4	Chưa sử dụng đến cuối năm	5.020.132 <i>(Điều chỉnh nguồn vốn theo QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 09/11/2020)</i>	206.739.840	3.213.933	





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Kết luận số 47/KL-SNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Nhận trong kỳ	Sử dụng trong kỳ (gồm cả thuế, trích CCIL và các quỹ)	Còn lại cuối kỳ
I	Năm 2019	7.931.490.225	3.163.317.256	5.123.713.638	5.971.093.843
1	Nhà thầu thực hiện dự án Jica2	3.301.073.148	1.169.600.699	1.843.260.964	2.627.412.883
2	Nhà thầu thực hiện dự án SP-RCC	4.524.342.808	973.590.188	3.057.123.987	2.440.809.009
3	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (25 ha)	43.351.987	144.239.550	76.307.000	111.284.537
4	Bảo vệ vườn giống (20ha)	29.120.000		29.120.000	0
5	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (02 DN)		826.000.000	115.135.000	710.865.000
6	Cung cấp cây giống		38.393.374		38.393.374
7	Tiền lãi ngân hàng	33.602.282	11.493.445	2.766.687	42.329.040
II	Năm 2020	5.971.093.843	4.755.201.054	4.220.215.045	6.506.079.852
1	Nhà thầu thực hiện dự án Jica2	2.627.412.883	1.792.636.892	1.276.436.538	3.143.613.237
2	Nhà thầu thực hiện Dự án SP-RCC	2.440.809.009	357.000.000	602.638.216	2.195.170.793
3	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (25ha)	111.284.537	55.846.928	167.131.465	0
4	Nhà thầu thực Trồng rừng thay thế 30ha	0	2.368.518.660	1.387.731.830	980.786.830
5	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (02DN)	710.865.000	170.135.000	747.315.000	133.685.000
6	Cung cấp cây giống	38.393.374		36.257.000	2.136.374
7	Tiền lãi ngân hàng	42.329.040	11.063.574	2.704.996	50.687.618
III	Năm 2021	6.506.079.852	3.590.226.377	8.766.223.710	1.330.082.519

1	Nhà thầu thực hiện dự án Jica2	3.143.613.237	98.019.652	3.241.632.889	0
2	Nhà thầu thực hiện Dự án SP-RCC	2.195.170.793		2.195.170.793	0
3	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế 30ha	980.786.830		566.840.020	413.946.810
4	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế 15ha		1.193.492.430	785.815.200	407.677.230
5	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng khắc phục 1,564ha		237.921.714	159.326.333	78.595.381
6	Trồng rừng Hạnh Phúc xanh		1.302.634.393	909.506.000	393.128.393
7	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (02 DN)	133.685.000	747.315.000	879.135.000	1.865.000
8	Cung cấp cây giống	2.136.374		2.136.374	0
7	Tiền lãi ngân hàng	50.687.618	10.843.188	25.358.457	34.869.705
IV	Phân phối kết quả tài chính các dự án kết thúc đầu tư				
1	Tổng doanh thu nộp thuế		29.529.992.877		
1.1	Doanh thu SXKD		29.504.634.420		
1.2	Doanh thu tài chính (lãi ngân hàng)		25.358.457		
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		591.360.610	591.360.610	0
3	Tổng chi phí		24.444.616.172		
3.1	Chi phí SXKD		24.444.616.172		
3.2	Chi phí tài chính		0		
4	Chênh lệch (sau thuế)		4.494.016.095	1.675.170.500	2.818.845.595
4.1	Trích cải cách tiền lương (40%)		1.797.606.438	0	1.797.606.438
4.2	Trích lập các quỹ		2.696.409.657	1.675.170.500	1.021.239.157
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		1.015.529.657	51.160.500	964.369.157
	- Quỹ bổ sung thu nhập		1.610.880.000	1.610.880.000	0
	- Quỹ khen thưởng		45.000.000	13.130.000	31.870.000
	- Quỹ phúc lợi		25.000.000	0	25.000.000